TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Đặng Văn Thước

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Xuân T; ĐKTT: Tổ X Khu Y, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị Minh L; ĐKTT: Tổ X Khu Y, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Vũ Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Xuân T và bà Mai Thị Minh L kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 9 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, hai người hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do chị Mai Thị Minh L có mâu thuẫn với gia đình chồng dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hiện tại mặc dù vợ chồng vẫn ở chung cùng nhà nhưng thực tế đã sống ly thân với nhau từ năm 2015; từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay ông Vũ Xuân T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai Thị Minh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Xuân P - sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 và Vũ P1 – sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013. Ly hôn ông Vũ Xuân T đề nghị Tòa án giao con chung Vũ P1 cho bà Mai Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Xuân P cho ông trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do ông và bà Mai Thị Minh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Vũ Xuân T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn, bà Mai Thị Minh L: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Thị Minh L đã được Toà án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà L đến Toà án giải quyết việc ông Vũ Xuân T xin ly hôn nhưng bà Mai Thị Minh L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có quan điểm của bà Mai Thị Minh L trước yêu cầu xin ly hôn của ông Vũ Xuân T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Vũ Xuân T được ly hôn với bà Mai Thị Minh L. Về con chung, giao con chung Vũ P1 – sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013

cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Xuân P - sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Vũ Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bà Mai Thị Minh L đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng bà Mai Thị Minh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Mai Thị Minh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định ông Vũ Xuân T và bà Mai Thị Minh L kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 9 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Vũ Xuân T và bà Mai Thị Minh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân T, xử cho ông Vũ Xuân T được ly hôn với bà Mai Thị Minh L.

[3] Về con chung: Ông Vũ Xuân T và bà Mai Thị Minh L có 02 con chung Vũ Xuân P - sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 và Vũ P1 – sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013. Ly hôn ông Vũ Xuân T đề nghị Tòa án giao con chung Vũ P1 cho bà Mai Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Xuân P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; bà Mai Thị Minh L vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất; xét thấy điều kiện nuôi con của các bên đương sự là ngang nhau nên cần giao con chung Vũ P1 cho bà Mai Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Xuân P1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Vũ Xuân P.

[4] Ly hôn ông Vũ Xuân T có quan điểm việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy quan điểm ông Vũ Xuân T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung sẽ do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do ông Vũ Xuân T không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[6] Sau khi ly hôn, nếu các bên đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung hoặc về tài sản chung, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Ông Vũ Xuân T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Xuân T được ly hôn với bà Mai Thị Minh L.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Xuân P - sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 cho ông Vũ Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ P1 – sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013 cho bà Mai Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Vũ Xuân T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Ông Vũ Xuân T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004045 ngày 20 tháng 02 năm 2019) nên không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch